

Bản án số: 56/2021/HS-PT
Ngày: 07-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Tiến S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2021/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Phạm Tiến S (S Đỏ), sinh năm 1974 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số xC, Khu phố x, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tiến D (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); vợ: Nguyễn Thị Kim N; có một người con sinh năm 1995; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2001/HSST ngày 08/02/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2004/HSPT ngày 16/3/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2010/HSST ngày 15/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hữu Ng nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/4/2020 đến ngày 12/5/2020, Nguyễn Hữu Ng cùng với Huỳnh Thanh L và Phạm Tiến S đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của

người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 9 giờ ngày 30/4/2020, Nguyễn Hữu Ng đến chỗ ở của Huỳnh Thanh L tại nhà trọ C thuộc khu phố B , phường x, thành phố Bến Tre chơi. Tại đây, N rủ L đến xưởng cơ khí của ông Trần Linh Th ở ấp x, xã P , thành phố Bến Tre để trộm cắp tài sản của ông Th bán lấy tiền tiêu xài thì L đồng ý. Để thực hiện ý định, Ng bơi ghe chở L đi. Khi đến xưởng cơ khí của ông Th , Ng đậu ghe phía trước xưởng rồi cùng L vào lấy cửa của ông Th 12 bộ cửa khung nhôm loại 2,35m x 0,80m đem xuống ghe chở về. Sau đó, cả hai đập kính bỏ chỉ lấy khung nhôm đem đến vựa phế liệu gần cầu Bến Tre bán được 440.000 đồng, lấy tiền chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng hết. Hiện tài sản không thu hồi được.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 674/KL-HĐĐG ngày 12/8/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 12 bộ cửa khung nhôm cũ, kích thước 2,35mx0,80m, trị giá ngày 30/4/2020 là 3.240.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 11 giờ ngày 12/5/2020, Nguyễn Hữu Ng tiếp tục rủ L và Phạm Tiến S đến xưởng cơ khí của ông Th lấy trộm tài sản. Được L , S đồng ý nên Ng đã dùng ghe chở L , S đến xưởng cơ khí của ông Th . Tại đây, Ng dùng thanh sắt nạy gãy một song cửa bằng sắt cửa chính của xưởng cơ khí, rồi cùng S đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 máy cắt nhôm bằng kim loại nhãn hiệu FEG, mod EG-1228, màu trắng, cán màu đỏ; 01 máy bào gỗ; 01 máy đục gỗ; 01 máy phay gỗ; dây và mỏ hàn gió đá chuyên cho L đem ra ngoài để xuống ghe rồi cùng nhau chở đi. Sau đó, Ng đem máy cắt nhôm bán cho ông Nguyễn Ngọc C được 800.000 đồng; bán máy đục và máy bào gỗ cho ông Tăng Bồi K được 200.000 đồng; còn máy phay gỗ, dây và mỏ hàn đá thì Ng vứt bỏ mất. Cả ba lấy tiền bán tài sản có được chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng hết. Sau khi bị phát hiện Ng đã hoàn trả cho ông Ch 400.000 đồng để chuộc lại máy cắt nhôm, còn S cũng gặp ông K xin chuộc lại máy đục và máy bào gỗ giao nộp cho Cơ quan điều tra. Vật chứng thu giữ: 01 máy cắt nhôm bằng kim loại, nhãn hiệu FEG, mod EG-1228, màu trắng, cán màu đỏ (do anh Nguyễn Ngọc C giao nộp); 01 máy đục gỗ, nhãn hiệu SAFUN, màu xanh và 01 máy bào gỗ, nhãn hiệu SAFUN, màu xám (do Phạm Tiến S giao nộp); 01 chiếc ghe bằng gỗ (loại ghe 9 lá) dài 6,1m, rộng 01m (do Nguyễn Hữu Ng giao nộp).

Theo các Bản kết luận định giá tài sản số 676/KL-HĐĐG ngày 14/8/2020 và số 1051/KL-HĐĐG ngày 08/12/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 máy cắt nhôm bằng kim loại, nhãn hiệu FEG, mod EG-1228, màu trắng, cán màu đỏ, trị giá ngày 12/5/2020: 2.240.000 đồng; 01 máy đục gỗ, nhãn hiệu SAFUN, màu xanh, trị giá ngày 12/5/2020: 450.000 đồng; 01 máy bào gỗ, nhãn hiệu SAFUN, màu xám, trị giá ngày 12/5/2020: 450.000 đồng; 01 máy phay gỗ, nhãn hiệu SAFUN, trị giá ngày 12/5/2020: 300.000 đồng. 01 dây và mỏ hàn gió đá, trị giá ngày 12/5/2020: 300.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Phạm Tiến S

phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Tiến S (S ĐỎ) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu Ng , án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/02/2021, bị cáo Phạm Tiến S kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Tiến S 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để sớm về lo cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: xuất phát từ động cơ bất chính, vào ngày 12 tháng 5 năm 2020, trên địa bàn xã P , Nguyễn Hữu Ng cùng với Huỳnh Thanh L và Phạm Tiến S đã có hành vi cấu kết với nhau lấy trộm của anh Trần Linh Th 01 máy cắt nhôm trị giá 2.240.000 đồng, 01 dây và mỏ hàn giũa đá trị giá 300.000 đồng, 01 máy phay gỗ trị giá 300.000 đồng, 01 máy bào gỗ trị giá 450.000 đồng và một máy đục gỗ trị giá 450.000 đồng để bán lấy tiền tiêu xài và mua má tủy sử dụng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 3.740.000 đồng. Phạm Tiến S có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, đã tái phạm nguy hiểm nay tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy

định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo S 02 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, nhưng không chịu cải tạo bản thân mà tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Điều đó cho thấy bản tính xem thường pháp luật nên cần phải xử lý thật nghiêm để cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trước thực trạng các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Tiến S 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Tiến S 02 (hai) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Phạm Tiến S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND Phường 8, thành phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Quang Sơn**